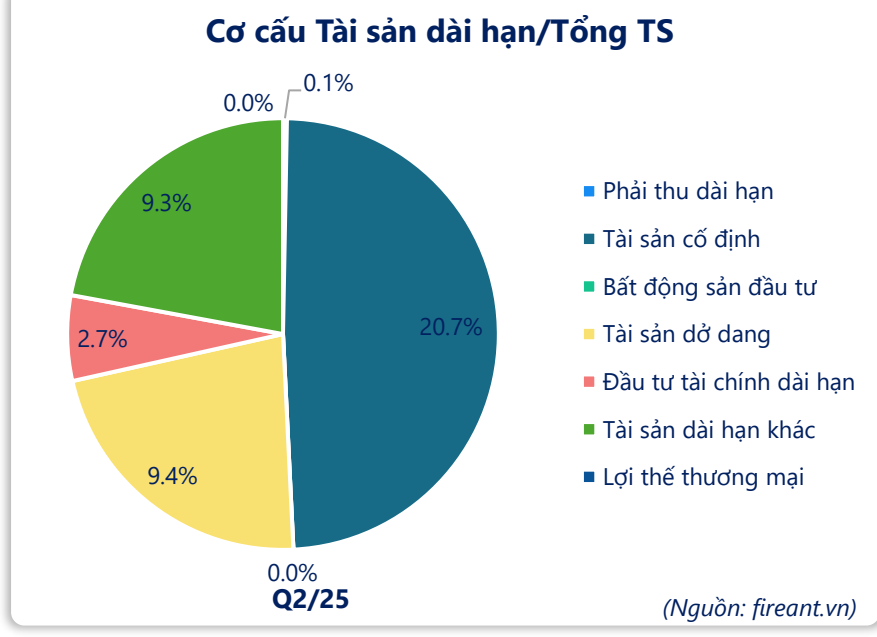
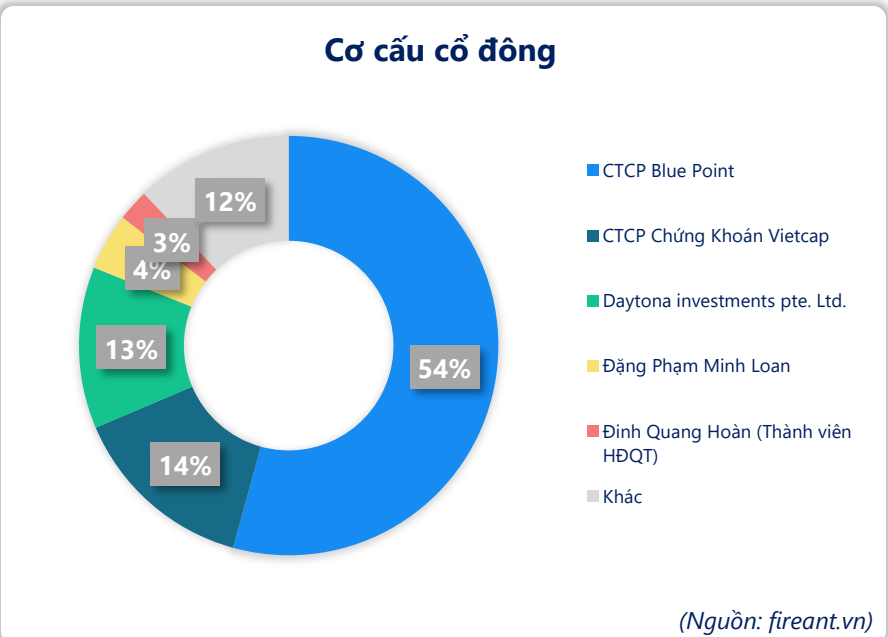
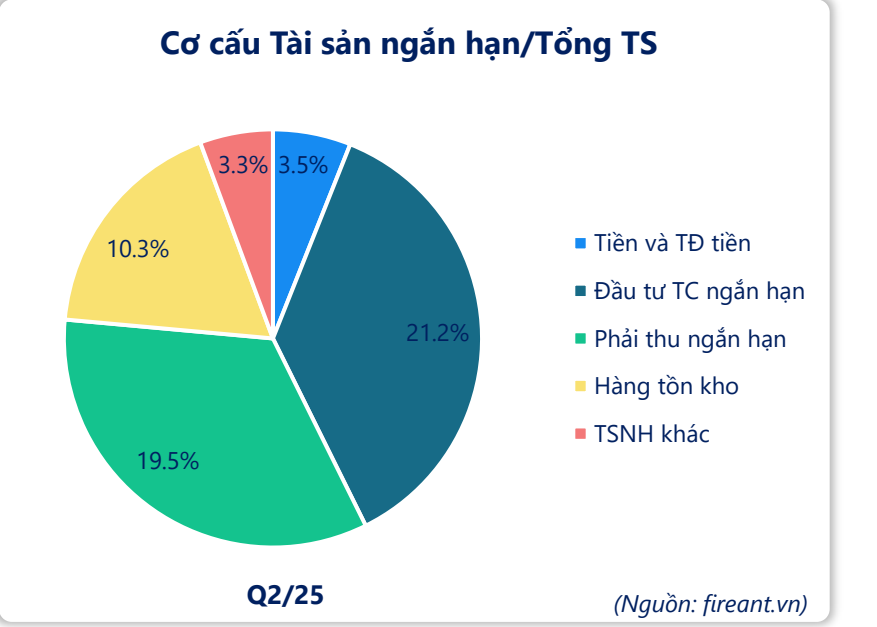
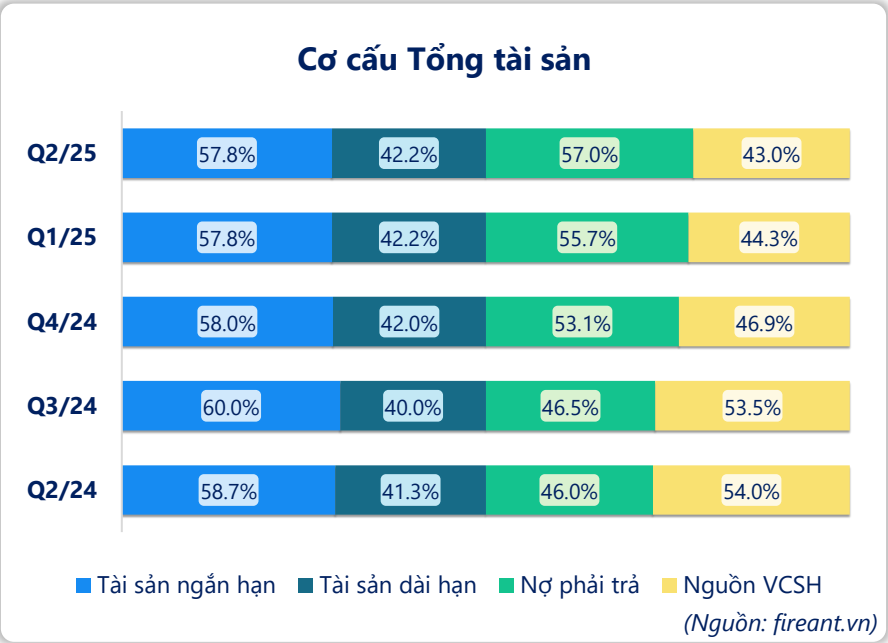
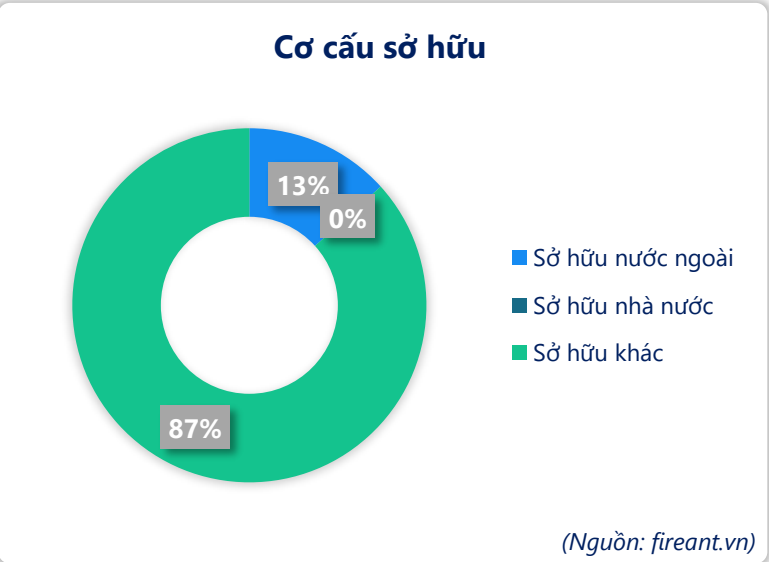
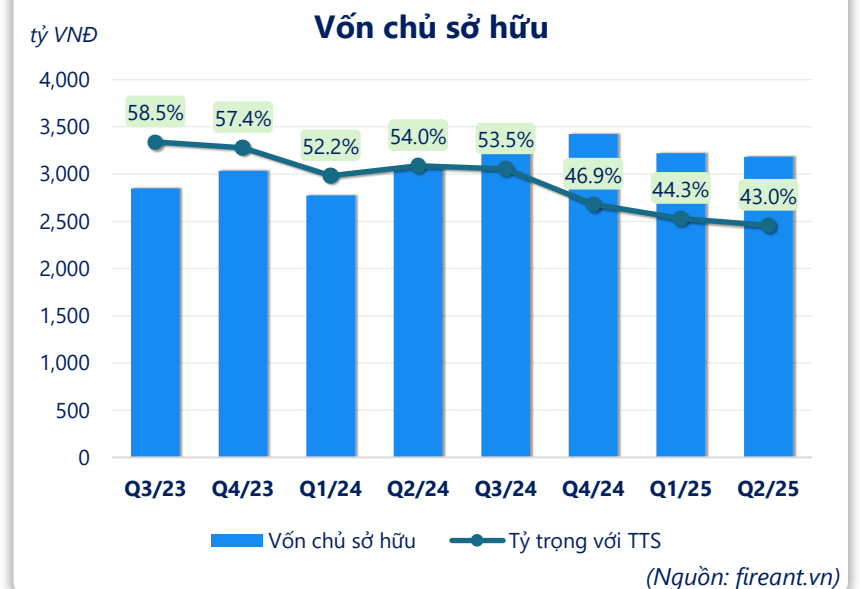
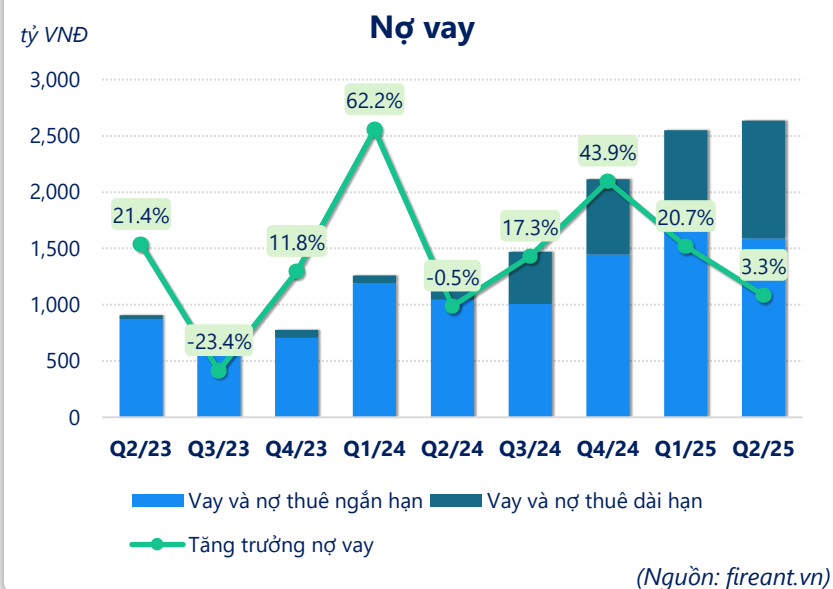
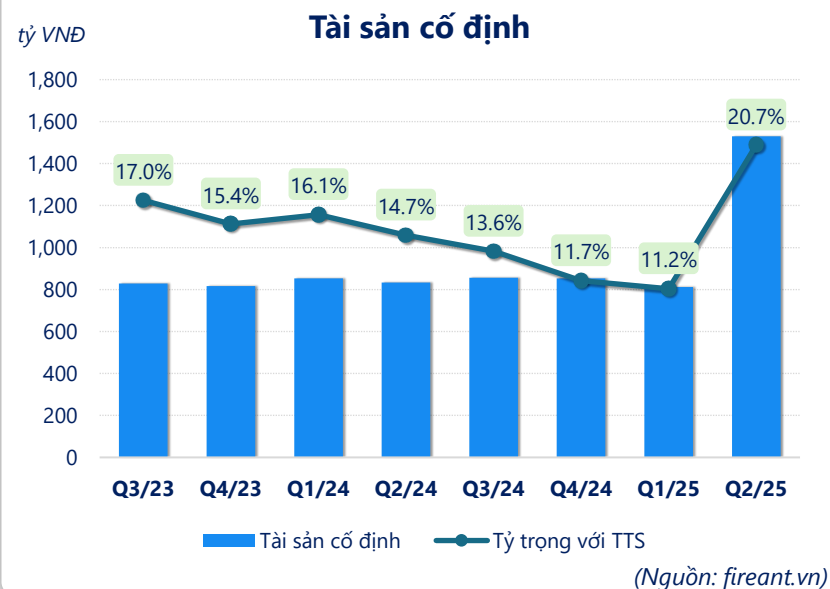
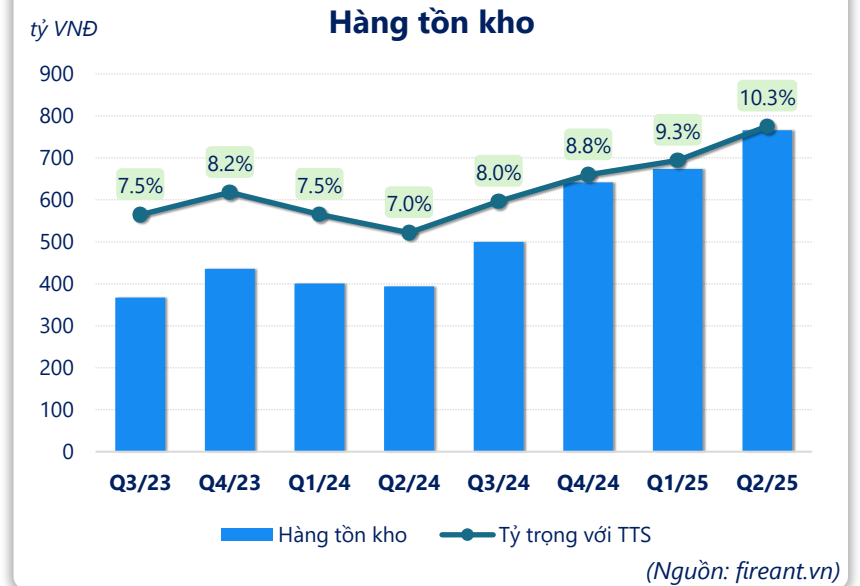
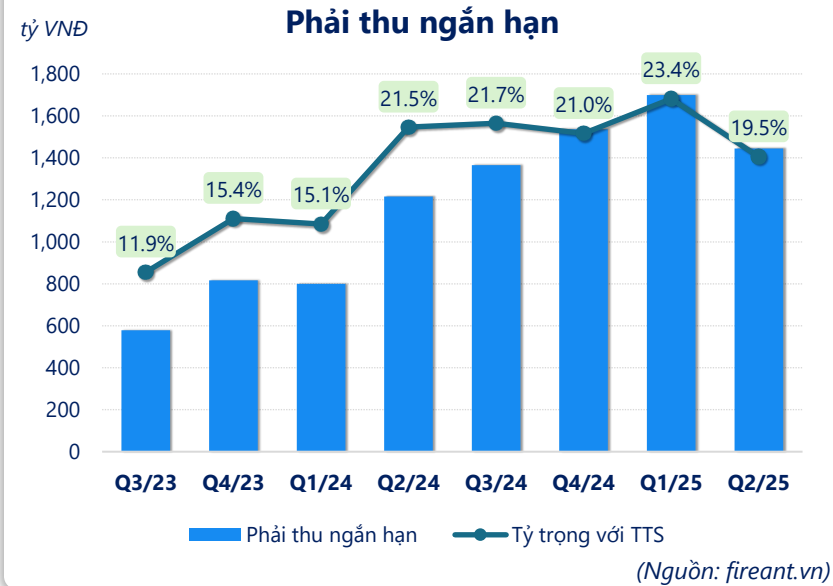
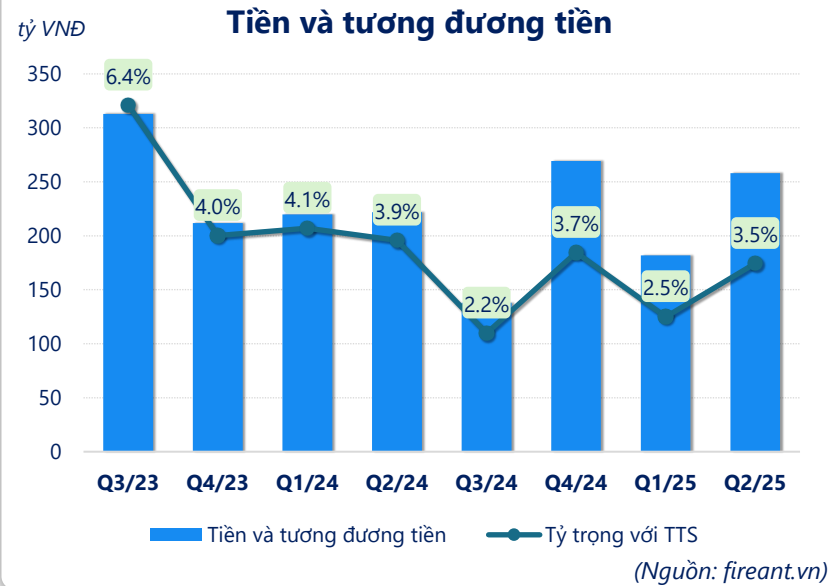
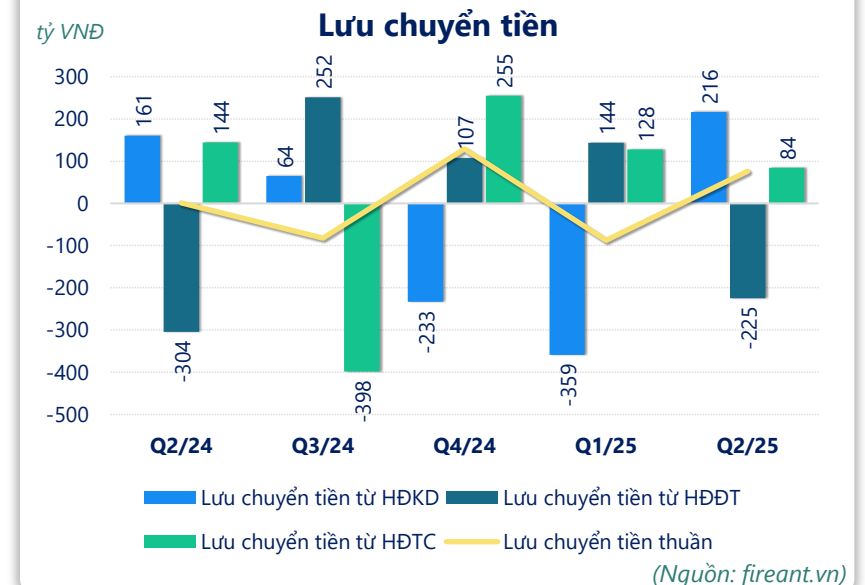
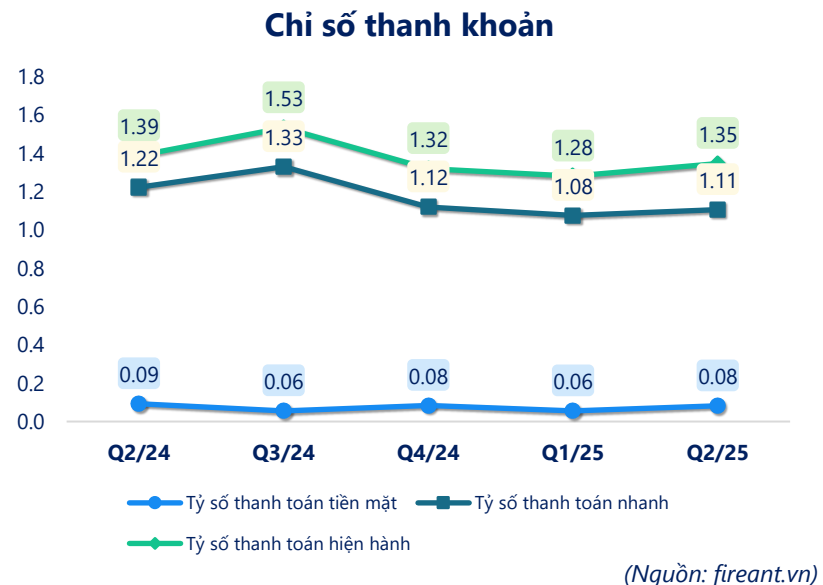
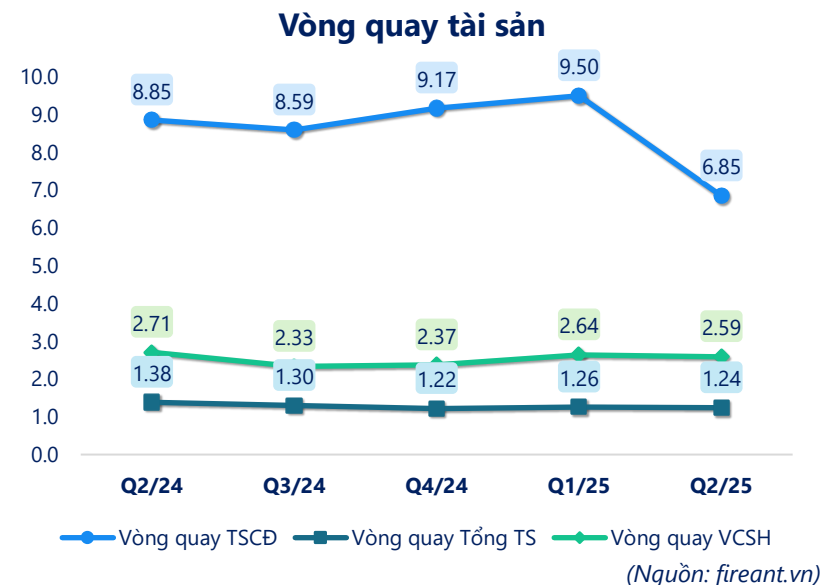
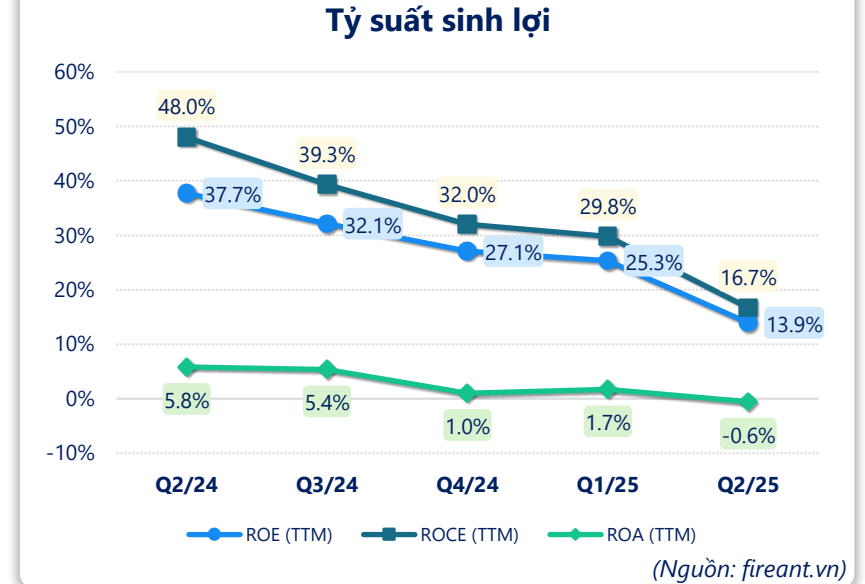
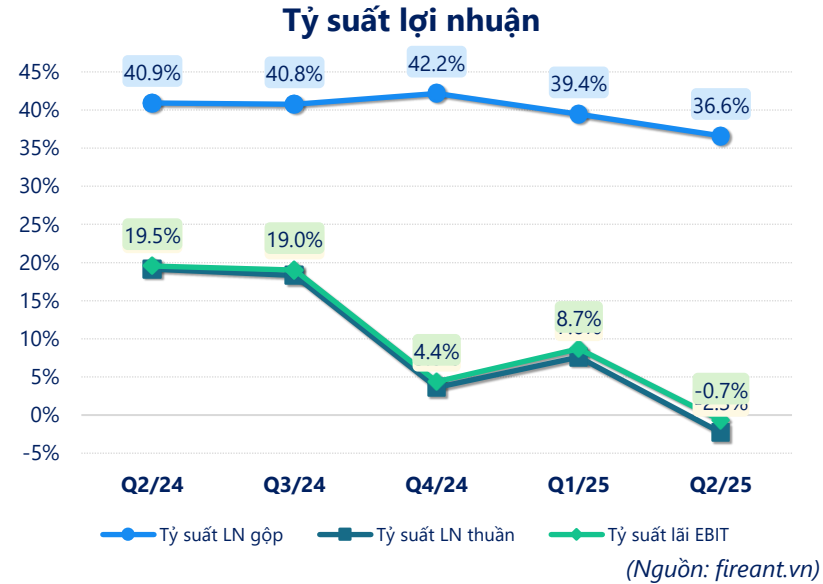
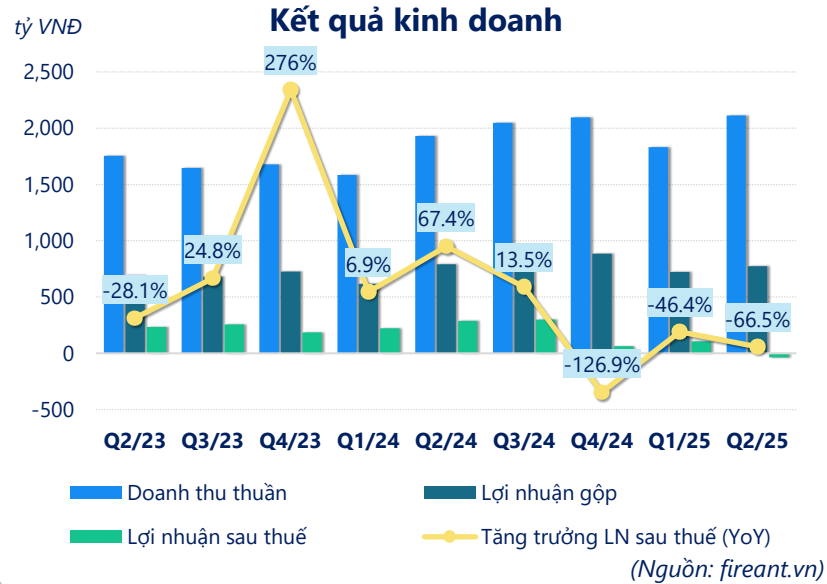


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		220,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		268,907
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		181,100
SL cổ phiếu LH		61,804,472
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		13.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,597
P/E		31.3
EPS		7,038

	YTD	1T	3T	6T
IDP	-6.3%	0.0%	3.3%	-6.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,405	6,945	6.6%
Tài sản ngắn hạn	4,277	3,882	10.2%
Tiền và tương đương tiền	258	269	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,567	1,582	-0.9%
Phải thu ngắn hạn	1,444	1,181	22.4%
Hàng tồn kho	766	642	19.3%
Tài sản ngắn hạn khác	242	208	16.0%
Tài sản dài hạn	3,127	3,063	2.1%
Phải thu dài hạn	9.18	8.97	2.3%
Tài sản cố định	1,530	853	79.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	697	1,347	-48.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	0.0%
Tài sản dài hạn khác	691	655	5.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,220	3,522	19.8%
Nợ ngắn hạn	3,174	2,854	11.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,590	1,446	9.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	940	935	0.5%
Nợ dài hạn	1,046	668	56.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,046	668	56.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,184	3,423	-7.0%
Vốn chủ sở hữu	3,184	3,423	-7.0%
Vốn điều lệ	618	618	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,930	2,048	2,096	1,832	2,113
Giá vốn hàng bán	1,140	1,213	1,212	1,109	1,339
Lợi nhuận gộp	790	835	884	722	774
Doanh thu HĐTC	41.4	47.7	50.4	43.5	48.2
Chi phí TC	16.6	19.9	12.4	35.8	31.8
Chi phí lãi vay	8.72	12.5	14.7	18.8	29.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	392	425	760	512	758
Chi phí QLDN	53.2	62.6	86.5	79.0	80.9
LN thuần từ HĐKD	369	375	75.6	139	-48.8
Lợi nhuận khác	-0.79	2.03	1.46	1.10	4.56
LN trước thuế	368	377	77.0	140	-44.2
Lợi nhuận sau thuế	288	300	64.5	107	-36.1
LNST của CĐ cty mẹ	288	300	64.5	107	-36.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	161	64.5	-233	-359	216
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-304	252	107	144	-225
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	144	-398	255	128	84.4
Tiền đầu kỳ	220	222	138	269	182
Lưu chuyển tiền thuần	0.80	-82.1	129	-87.4	76.2
Ảnh hưởng tỷ giá	1.07	-1.69	1.98	0	0.02
Tiền cuối kỳ	222	138	269	182	258

(Nguồn: fireant.vn)